

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án và dự toán, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư  
GPMB thực hiện dự án xây dựng Trụ sở và kho vật chứng Chi cục  
Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 về việc ban hành Quy định về thực hiện trình tự chấp thuận chủ trương đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 387/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2016 về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2233/QĐ-BTP ngày 21/8/2019 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trụ sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Công văn số 14758/UBND-TKKH ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng Trụ sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 279/NĐ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 3572/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận cho phép dự án Trụ sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được thực hiện trong năm 2020 cập nhập vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 7259/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc thành lập hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện dự án xây dựng Trụ sở làm việc và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Mặt bằng điều chỉnh tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình Trụ sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt;*

*Căn cứ Trích lục số 676/TLBĐ ngày 01/10/2020 của Trích lục bản đồ địa chính khu đất thực hiện công trình Trụ sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập;*

*Xét Tờ trình số 2378/TTr-TNMT ngày 11/11/2020 của phòng Tài nguyên và Môi trường.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án và dự toán, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa gồm các nội dung sau:

**1. Đối tượng:** Các hộ gia đình, cá nhân có đất, vật kiến trúc cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng trong khu vực thực hiện dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 02 hộ gia đình, 01 tổ chức
- Số hộ có đất bị thu hồi: 02 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức.
- Số hộ phải bố trí tái định cư: Không.
- Số lượng mồ mả phải di chuyển: Không.

**2. Tổng diện tích đất thu hồi:** 2542,97 m<sup>2</sup> đất. Trong đó đất trồng lúa (LUC): 2476,9 m<sup>2</sup>; đất giao thông (DGT): 66,07 m<sup>2</sup>.

### **3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:**

#### **3.1. Bồi thường một vụ Lúa:**

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 và Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa: Đối với các hộ bị thu hồi đất trồng Lúa: Được bồi thường 1 vụ Lúa, đơn giá bồi thường Lúa trên 1m<sup>2</sup> đất: 5.000 đ/m<sup>2</sup>.

**3.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng Lúa bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:**

#### **- Bồi thường đất ở:**

- Áp dụng Quyết định số 3067/QĐ-UBND, ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường trục trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.

#### **- Bồi thường đất vườn ao, trong cùng thửa đất ở:**

Áp dụng Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

#### **- Bồi thường đất trồng Lúa:**

Áp dụng Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1, giá đất bồi thường: 40.000đ/1 m<sup>2</sup>.

#### **- Các chính sách hỗ trợ:**

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa, các chính sách hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm:

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc bồi thường bằng tiền 40.000đ/1m<sup>2</sup> còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi (40.000 x 1,5 = 60.000đ/1m<sup>2</sup>).

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Các hộ bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khâu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

Các hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

### **3.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất:**

Áp dụng Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

### **3.5 Bồi thường cây cối, hoa màu.**

Áp dụng Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

## **4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 182.385.894 đồng.**

*(Bằng chữ: Một trăm tám mươi hai triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng)*

Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:	84.167.200 đồng;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	74.070.000 đồng;
- Bồi thường cây cối hoa màu:	6.172.500 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	14.400.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng (2%):	3.576.194 đồng.

*(Chi tiết có bảng tổng hợp kèm theo)*

## **5. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí của dự án.**

## **6. Tiến độ thực hiện: Quý IV, năm 2020.**

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm:

### **1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (Chủ đầu tư).**

Bổ trí đầy đủ kinh phí để HĐ. BTGPMB huyện chi trả cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt.

### **2. Hội đồng BTGPMB huyện.**

Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

### **3. UBND xã Minh Sơn.**

Phối hợp với Hội đồng BTGPMB dự án huyện để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt.

## **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng; Chủ tịch Hội đồng BT GPMB dự án huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND xã Minh Sơn; Chủ đầu tư dự án; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN**  
**Xây dựng Trụ Sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)*

TT	Tên người quản lý, sử dụng	Loại đất thu hồi	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi	Thành tiền (đồng)				Tổng (đồng)
						Bồi thường về đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Bồi thường cây cối hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	
1	Mai Văn Cẩn	LUC	17	433	746,10	29.844.000	44.766.000	3.730.500	14.400.000	92.740.500
3	Nguyễn Văn Quang	LUC	17	434	488,40	19.536.000	29.304.000	2.442.000		51.282.000
6	UBND Xã	LUC	21	26	307,50	8.610.000				8.610.000
7	UBND Xã	LUC	21	27	91,60	2.564.800				2.564.800
8	UBND Xã	LUC	21	28	155,80	4.362.400				4.362.400
9	UBND Xã	LUC	21	29	247,20	6.921.600				6.921.600
11	UBND Xã	LUC	21	66	139,80	3.914.400				3.914.400
12	UBND Xã	LUC	21	67	7,20	201.600				201.600
13	UBND Xã	LUC	21	69	52,20	1.461.600				1.461.600
14	UBND Xã	LUC	21	70	123,80	3.466.400				3.466.400
15	UBND Xã	LUC	21	71	115,50	3.234.000				3.234.000
16	UBND Xã	LUC	21	72	1,80	50.400				50.400
4	UBND Xã	DGT	17	489	31,10	0	0	0		0
10	UBND Xã	DGT	21	31	34,97	0	0	0		0
<b>I</b>	<b>Cộng</b>				<b>2542,97</b>	<b>84.167.200</b>	<b>74.070.000</b>	<b>6.172.500</b>	<b>14.400.000</b>	<b>178.809.700</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí thực hiện GPMB (II=I*2%)</b>									<b>3.576.194</b>
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (III=I+II)</b>									<b>182.385.894</b>

*(Tổng kinh phí BTGPMB: Một trăm tám mươi hai triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng)*